CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 89/2022/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2022*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ; Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 1. Vị trí và chức năng

Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, kế hoạch, đầu tư phát triển và thống kê, bao gồm: Tham mưu tổng hợp về chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch; kế hoạch đầu tư công của quốc gia; cơ chế, chính sách quản lý kinh tế; đầu tư trong nước, đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam và đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài; khu kinh tế; nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức, viện trợ của Việt Nam cho các nước; đấu thầu; thống kê; phát triển doanh nghiệp, kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ, Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP và những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Trình Chính phủ dự án luật, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, dự thảo nghị quyết, nghị định của Chính phủ theo chương trình, kế hoạch xây dựng pháp luật hằng năm của bộ đã được phê duyệt và các chương trình, dự án, đề án theo sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Trình Chính phủ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm của cả nước, các cân đối vĩ mô chủ yếu của nền kinh tế quốc dân; chiến lược, kế hoạch huy động và sử dụng các nguồn lực phát triển; kế hoạch xây dựng, sửa đổi các cơ chế, chính sách quản lý kinh tế vĩ mô; quy hoạch tổng thể quốc gia; kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình đầu tư công; các chương trình, dự án khác theo sự phân công của Chính phủ.

3. Trình Thủ tướng Chính phủ các dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác.

4. Ban hành thông tư, quyết định, chỉ thị thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ.

5. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thuộc phạm vi quản lý của bộ; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ.

6. Về quy hoạch; chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội:

a) Xây dựng chương trình hành động của Chính phủ thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm sau khi được Quốc hội thông qua; tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách tổng hợp kinh tế - xã hội và phối hợp trong quản lý, điều hành kinh tế vĩ mô; giúp Chính phủ

điều hành thực hiện kế hoạch về một số ngành, lĩnh vực được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao;

b) Xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hằng năm của cả nước; quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng; kế hoạch thực hiện và tổ chức công bố quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng sau khi được phê duyệt;

c) Tổng hợp chung các cân đối vĩ mô chủ yếu của nền kinh tế quốc dân; đề xuất các giải pháp để giữ vững các cân đối theo mục tiêu chiến lược và kế hoạch, bảo đảm thực hiện mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội;

d) Hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch của bộ, ngành, địa phương; tổ chức theo dõi, đánh giá và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước theo định kỳ hằng tháng, quý, năm, giữa kỳ và 5 năm;

đ) Chủ trì thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh và quy hoạch tỉnh; trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng;

e) Hướng dẫn bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc lập và tổ chức thực hiện quy hoạch.

7. Tham mưu tổng hợp về cơ chế, chính sách huy động và sử dụng các nguồn lực phát triển để thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các loại hình và phương thức đầu tư phát triển, phát triển các thành phần kinh tế, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, điều phối phát triển vùng, liên vùng.

8. Về đầu tư phát triển:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính tổng hợp chung về đầu tư phát triển. Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; tổng hợp danh mục các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình đầu tư công, các dự án quan trọng quốc gia, các nhiệm vụ, dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn;

b) Xây dựng tổng mức và cơ cấu vốn đầu tư phát triển toàn xã hội; chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ xác định vốn đầu tư ngân sách nhà

nước chi cho đầu tư phát triển của quốc gia, theo từng ngành, lĩnh vực trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; tổng hợp tổng mức vốn dành cho các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình đầu tư công, dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, quy mô lớn, liên kết vùng, có tính lan tỏa, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng và địa phương;

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính: Tổng hợp trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của quốc gia; trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc sử dụng dự phòng ngân sách trung ương hằng năm và bổ sung vốn đầu tư công trong năm để thực hiện các nhiệm vụ đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng phương án sử dụng số tăng thu và tiết kiệm chi của ngân sách trung ương, bao gồm cả việc sử dụng cho đầu tư các dự án quan trọng;

đ) Tổng hợp kế hoạch chi tiết kế hoạch vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm của từng chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình đầu tư công;

e) Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án đầu tư công do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư;

g) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, các bộ, ngành liên quan và các địa phương xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước; xây dựng nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn cho các dự án trọng điểm, quy mô lớn, liên kết vùng, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, các vùng; giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước;

h) Thường trực Hội đồng thẩm định Nhà nước các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia; Thường trực Hội đồng thẩm định liên ngành các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ; thẩm định chủ trương đầu tư các chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật Đầu tư công và Luật Đầu tư.

9. Về đầu tư trong nước, đầu tư của nước ngoài và đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài:

a) Quản lý hoạt động đầu tư trong nước và đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Việt Nam, đầu tư trực tiếp của Việt Nam ra nước ngoài; đầu tư theo phương thức đối tác công tư; tổ chức hoạt động xúc tiến đầu tư, hướng dẫn thủ tục đầu tư;

b) Thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh và chấm dứt hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;

c) Kiểm tra, giám sát, đánh giá tổng thể hoạt động đầu tư;

d) Hướng dẫn thực hiện chế độ xử lý, cập nhật thông tin và báo cáo về việc phản ánh vướng mắc, kiến nghị của nhà đầu tư liên quan đến việc áp dụng và thi hành pháp luật trong quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh.

10. Về quản lý vốn ODA, vốn vay ưu đãi, viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức, viện trợ của Việt Nam cho các nước:

a) Là cơ quan đầu mối trong việc quản lý nhà nước về vốn ODA, vốn vay ưu đãi và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức, viện trợ của Việt Nam cho các nước; chủ trì soạn thảo chiến lược, chính sách, định hướng thu hút, sử dụng ODA, vốn vay ưu đãi;

b) Chủ trì việc chuẩn bị nội dung, tổ chức vận động các nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức, viện trợ của Việt Nam cho các nước; trình Chính phủ việc ký kết điều ước quốc tế khung và điều ước quốc tế cụ thể về ODA không hoàn lại theo quy định của pháp luật; trình Thủ tướng Chính phủ về việc ký kết thỏa thuận về vốn ODA không hoàn lại theo thẩm quyền;

c) Tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền quyết định đề xuất, chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức, viện trợ của Việt Nam cho các nước theo quy định của pháp luật; phối hợp với Bộ Tài chính xác định cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức, viện trợ của Việt Nam cho các nước;

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính tổng hợp, lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; cân đối và bố trí vốn đối ứng hằng năm từ nguồn vốn ngân

sách để chuẩn bị và thực hiện các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi đầu tư phát triển thuộc diện cấp phát ngân sách trung ương;

đ) Thực hiện giám sát và đánh giá các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức, viện trợ của Việt Nam cho các nước theo quy định của pháp luật; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xử lý các vấn đề phát sinh có liên quan đến nhiều bộ, ngành.

11. Về quản lý đấu thầu:

a) Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư và phương án lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

b) Hướng dẫn, theo dõi, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về đấu thầu; hợp tác quốc tế về đấu thầu.

12. Về quản lý các khu kinh tế:

a) Là cơ quan đầu mối thực hiện quản lý nhà nước về khu kinh tế, bao gồm: khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế chuyên biệt và các loại hình khu kinh tế khác trên phạm vi cả nước;

b) Đề xuất mô hình, cơ chế, chính sách về phát triển khu kinh tế;

c) Tổ chức thẩm định việc thành lập, mở rộng, điều chỉnh ranh giới khu kinh tế; thẩm định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất thuộc thẩm quyền.

13. Về phát triển doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh, hộ kinh doanh:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng chiến lược, chương trình, kế hoạch sắp xếp, đổi mới, phát triển doanh nghiệp nhà nước; cơ chế quản lý, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước và phát triển doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Xây dựng chính sách cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan theo dõi, tổng hợp tình hình sắp xếp, đổi mới, phát triển doanh nghiệp nhà nước trên phạm vi toàn quốc;

c) Quản lý về đăng ký doanh nghiệp, tổ chức kinh tế hợp tác, hộ kinh doanh; hướng dẫn thủ tục đăng ký doanh nghiệp, tổ chức kinh tế hợp tác, hộ kinh doanh; kiểm tra, theo dõi, tổng hợp tình hình đăng ký doanh nghiệp, đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử và sau đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi cả nước;

d) Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hộ kinh doanh; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tổng kết việc thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hộ kinh doanh;

đ) Hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; đổi mới mô hình tăng trưởng trên nền tảng phát triển khoa học và công nghệ trong phạm vi quản lý nhà nước của bộ theo quy định của pháp luật.

14. Về kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác:

a) Xây dựng chiến lược, chương trình và kế hoạch chung về phát triển kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tổng kết việc thực hiện các chương trình và kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác;

b) Xây dựng cơ chế quản lý, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác.

15. Về lĩnh vực thống kê:

a) Xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch, chính sách phát triển hoạt động thống kê; điều phối, tổ chức các hoạt động thống kê và cung cấp thông tin thống kê theo quy định của pháp luật;

b) Xây dựng, thống nhất quản lý hệ thống thông tin thống kê quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện; tổ chức điều phối việc kết nối, cung cấp dữ liệu, thông tin giữa các hệ thống thông tin thống kê nhà nước; xây dựng tiêu chuẩn và thực hiện đánh giá chất lượng thông tin thống kê trong hoạt động thống kê nhà nước;

c) Xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê, chế độ báo cáo thống kê, chương trình điều tra thống kê và phân loại thống kê theo quy định của pháp luật.

16. Tổ chức và chỉ đạo thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ.

17. Quản lý, tổ chức thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ. Xây dựng, quản lý, vận hành và bảo đảm an toàn thông tin các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu;

công bố và cung cấp thông tin, dữ liệu trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ theo quy định của pháp luật.

18. Thực hiện hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ theo quy định của pháp luật.

19. Quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ theo quy định pháp luật; quản lý và chỉ đạo hoạt động đối với các tổ chức sự nghiệp công thuộc bộ; quản lý Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

20. Quản lý các hoạt động của hội, tổ chức phi chính phủ trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ theo quy định của pháp luật.

21. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, phòng, chống lãng phí trong sử dụng tài sản, kinh phí được giao; kiểm tra và theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định của pháp luật; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý của bộ.

22. Quyết định và chỉ đạo thực hiện chương trình cải cách hành chính của bộ theo mục tiêu và nội dung, chương trình cải cách hành chính nhà nước sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

23. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; quyết định luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, từ chức, khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ theo quy định của pháp luật.

24. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật.

25. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân.

2. Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ.

3. Vụ Tài chính, tiền tệ.

4. Vụ Kinh tế công nghiệp, dịch vụ.

5. Vụ Kinh tế nông nghiệp.

6. Vụ Phát triển hạ tầng và đô thị.

7. Vụ Quản lý các khu kinh tế.

8. Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư.

9. Vụ Kinh tế đối ngoại.

10. Vụ Lao động, văn hóa, xã hội.

11. Vụ Khoa học, giáo dục, tài nguyên và môi trường.

12. Vụ Quản lý quy hoạch.

13. Vụ Quốc phòng, an ninh.

14. Vụ Pháp chế.

15. Vụ Tổ chức cán bộ.

16. Văn phòng Bộ.

17. Thanh tra Bộ.

18. Cục Quản lý đấu thầu.

19. Cục Phát triển doanh nghiệp.

20. Cục Đầu tư nước ngoài.

21. Cục Quản lý đăng ký kinh doanh.

22. Cục Kinh tế hợp tác.

23. Tổng cục Thống kê.

24. Viện Chiến lược phát triển.

25. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

26. Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

27. Báo Đầu tư.

28. Học viện Chính sách và Phát triển.

Các tổ chức quy định từ khoản 1 đến khoản 23 Điều này là các tổ chức giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước; các tổ chức quy định từ khoản 24

đến khoản 28 Điều này là các đơn vị sự nghiệp phục vụ chức năng quản lý nhà nước của bộ.

Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân có 03 phòng, Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ có 04 phòng, Vụ Kinh tế đối ngoại có 05 phòng.

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc bộ.

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các tổ chức trực thuộc bộ, trừ Tổng cục Thống kê.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội quốc gia, Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ Kinh tế - Kế hoạch, Tạp chí Kinh tế và Dự báo tiếp tục hoạt động theo các quy định hiện hành cho đến khi cơ quan có thẩm quyền hoàn thành việc sáp nhập theo quy định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phạm Bình Minh